

Bản án số: 537/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2022
Về việc tranh chấp về xác định cha
cho con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Ông Nguyễn Văn Tuấn.

tòa:

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Huệ Tú.

Bà Lê Vũ Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:**

Bà Đào Thị Xuân Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp về xác định cha cho con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 1334/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị Thanh M**, sinh năm 1989, địa chỉ: **Số B đường T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh**; người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phan Văn D**, sinh năm 1995; địa chỉ: **Số E đường B, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** (Theo Giấy ủy quyền ngày 20 tháng 11 năm 2021).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Đặng Hoàng N**, sinh năm 1993; nơi cư trú: **Số I đường N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh**.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **C, H**, sinh năm 1969; địa chỉ: **A đường N, Khóm E, phường S, khu Q, thành phố Đ, Đài Loan**; người đại diện theo ủy quyền: Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1988; địa chỉ: **Số C phố Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương** (Theo văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 02 năm 2022).

(Các đương sự vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thanh M trình bày: Bà và ông C, H kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81 do Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05 tháng 6 năm 2019 và đã ly hôn theo Bản án số 735/2021/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Bà và ông C, H chỉ chung sống với nhau trong một khoảng thời gian rất ngắn ngủi rồi ly thân nên giữa hai người không có con chung. Trong khoảng thời gian sống ly thân với ông C, H, bà quen biết và có quan hệ tình cảm với ông Nguyễn Đăng Hoàng N, bà có thai và sinh một bé trai vào ngày 02 tháng 9 năm 2021, là con chung của bà và ông N. Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định bé trai theo Giấy chứng sinh số 097 ngày 02 tháng 9 năm 2021, Quyển số 312 của Bệnh viện Q, có mẹ là bà Đỗ Thị Thanh M, sinh năm 1989 là con đẻ của ông Nguyễn Đăng Hoàng N, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số I đường N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Nguyễn Đăng Hoàng N trình bày: Ông và bà Đỗ Thị Thanh M quen biết nhau từ năm 2018, sau quá trình tìm hiểu thì hai người phát sinh tình cảm. Ông biết việc bà M đã kết hôn với ông C, H vào năm 2019 nhưng đã sống ly thân từ lâu. Khi bà M làm thủ tục ly hôn với ông C, H tại Tòa án thì bà M có thai và sinh một bé trai vào ngày 02 tháng 9 năm 2021 tại Bệnh viện Q. Ông xác định bé trai sinh ngày ngày 02 tháng 9 năm 2021 theo Giấy chứng sinh số 097 Quyển số 312 của Bệnh viện Q, có mẹ là Đỗ Thị Thanh M, sinh năm 1989 là con đẻ của ông, do đó, ông đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố ông là cha đẻ của đứa trẻ.

Tại Bản tự khai, đơn xin vắng mặt ngày 25 tháng 02 năm 2022 (Đã được Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đ chứng nhận ngày 07 tháng 3 năm 2022), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C, H trình bày: Ông và bà Đỗ Thị Thanh M, sinh năm 1989 đã ly hôn theo Bản án số 735/2021/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Trong quá trình bà M làm thủ tục ly hôn với ông tại Việt Nam thì bà M có thai; khi hoàn tất thủ tục ly hôn, bà M sinh một bé trai nhưng không phải là con của ông với bà M. Theo ông được biết, đứa trẻ là con chung của bà M và ông Nguyễn Đăng Hoàng N. Ông đề nghị Tòa án công nhận ông N là cha đẻ của đứa trẻ do bà M sinh ra.

[2] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự

trong việc giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về tố tụng dân sự; quan hệ tranh chấp của vụ án đã được xác định đúng, chứng cứ được thu thập hợp lệ; vụ án có yếu tố nước ngoài, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa đã có văn bản trình bày ý kiến giao nộp cho Tòa án và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án giải quyết vụ án theo luật định. Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Căn cứ lời khai của các đương sự, Giấy chứng sinh số 097 Quyển số 312 của **Bệnh viện Q** và Kết luận Giám định số 1514/KL-KTHS ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Phân viện Khoa học hình sự Thành phố Hồ Chí Minh – **Bộ C1**, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định ông **Nguyễn Đặng Hoàng N**, sinh năm 1993; nơi cư trú: **Số I đường N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh** là cha đẻ của bé trai sinh ngày 02 tháng 9 năm 2021, theo Giấy chứng sinh số 097 Quyển số 312 ngày 02 tháng 9 năm 2021 của **Bệnh viện Q**, có mẹ là bà **Đỗ Thị Thanh M**, sinh năm 1989.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự tại bản tự khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về xác định cha cho con; người khởi kiện có quyền khởi kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 101 và Khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông **C, H**, hiện đang cư trú tại Đài Loan; nguyên đơn bà **Đỗ Thị Thanh M** cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Điều 128 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét, yêu cầu và ý kiến của các đương sự đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Căn cứ Giấy chứng sinh số 097 ngày 02 tháng 9 năm 2021, Quyền số 312 của Bệnh viện Q, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh và lời khai của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thanh M thì ngày 02 tháng 9 năm 2021, bà M sinh một bé trai; bà M khởi kiện yêu cầu xác định bé trai này là con ruột của ông Nguyễn Đăng Hoàng N, sinh năm 1993; trú tại: Số I đường N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Căn cứ Bản án số 735/2021/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xác định: Ngày 05 tháng 6 năm 2019, bà Đỗ Thị Thanh M và ông C, H kết hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81 do Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp), đến ngày 24 tháng 5 năm 2021 thì ly hôn. Nội dung Bản án số 735/2021/HNGĐ-ST thể hiện bà M và ông C, H chỉ chung sống với nhau trong khoảng thời gian ngắn, đã sống ly thân và giữa hai người không có con chung.

[5] Nguyên đơn bà Đỗ Thị Thanh M và bị đơn ông Nguyễn Đăng Hoàng N cùng trình bày giữa hai người có mối quan hệ tình cảm từ năm 2018, đến ngày 02 tháng 9 năm 2021 bà M sinh một bé trai tại Bệnh viện Q là con chung của bà M và ông N.

[6] Tại Kết luận Giám định số 1514/KL-KTHS ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Phân viện Khoa học hình sự Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ C1 tiến hành giám định gen (ADN) giữa ông Nguyễn Đăng Hoàng N và trẻ theo Giấy chứng sinh số 097 ngày 02 tháng 9 năm 2021 Quyền số 312 của Bệnh viện Q, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Quyết định trưng cầu giám định số 989/2022/QĐ-TCGD ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh), kết luận: Ông Nguyễn Đăng Hoàng N và bé trai sinh ngày 02 tháng 9 năm 2021 có quan hệ huyết thống cha – con.

[7] Với những tài liệu, chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 88 của Luật Hôn nhân và gia đình về xác định cha, mẹ thì con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ đó là con chung của vợ chồng. Mặc dù bà Đỗ Thị Thanh M sinh con vào ngày 02 tháng 9 năm 2021 được xác định là con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân với ông C, H (đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 6 năm 2019, ly hôn ngày 24 tháng 5 năm 2021) nhưng theo Bản án số 735/2021/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và tại bản tự khai, bà M và ông C, H đều xác định hai người chỉ chung sống trong một khoảng thời gian ngắn, đã sống ly thân và không có con chung. Qua lời trình bày của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thanh M, bị đơn ông Nguyễn Đăng Hoàng N và kết quả giám định gen (ADN), có cơ sở để xác định trẻ sinh ngày 02 tháng 9 năm

2021, giới tính: Nam theo Giấy chứng sinh số 097 ngày 02 tháng 9 năm 2021, Quyển số 312 của Bệnh viện Q, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh là con đẻ của ông Nguyễn Đăng Hoàng N và bà Đỗ Thị Thanh M.

Có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định ông Nguyễn Đăng Hoàng N là cha đẻ của trẻ sinh ngày 02 tháng 9 năm 2021 theo Giấy chứng sinh số 097 Quyển số 312 của Bệnh viện Q, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[8] Ông Nguyễn Đăng Hoàng N có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của cha và con theo quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan đối với trẻ sinh ngày 02 tháng 9 năm 2021 theo Giấy chứng sinh số 097 Quyển số 312 của Bệnh viện Q, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 4 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 273, Khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 68, 69, 70, 71, 72, 73, 88 và 89; Khoản 2 Điều 101; Khoản 2 Điều 102 và Điều 128 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thanh M:

1. Xác định: Ông Nguyễn Đăng Hoàng N, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1993; số căn cước công dân: 079093021295 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 19 tháng 4 năm 2021; nơi thường trú: Số I đường N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, là cha đẻ của trẻ theo Giấy chứng sinh số 097 ngày 02 tháng 9 năm 2021, Quyển số 312 của Bệnh viện Q, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh, giới tính: Nam; có mẹ là bà Đỗ Thị Thanh M, sinh năm 1989, nơi

thường trú: Số B đường T, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về quyền và nghĩa vụ của cha và con: Ông Nguyễn Đăng Hoàng N có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của cha và con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Bộ luật Dân sự và các luật có liên quan khác.

II. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Thanh M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0001501 ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, nhận tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C, H cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Phường 9, Quận 5, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS. (TC25)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Vũ Thúy Hằng

Đặng Thị Huệ Tú

Nguyễn Văn Tuấn